

ỦY BAN NHÂN DÂN

XÃ TỊNH KHÊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TÍNH CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH CHO 12 CÁN BỘ, CÔNG CHỨC NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI, NGHỈ THÔI VIỆC

THEO NGHỊ ĐỊNH 178/2024/NĐ-CP NGÀY 31/12/2024 VÀ NGHỊ ĐỊNH 67/2025/NĐ-CP NGÀY 15/3/2025 CỦA CHÍNH PHỦ

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /8/2025 của Chủ tịch UBND xã Tịnh Khê)

DVT: Đồng

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức vụ/chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Đơn vị công tác (cũ)	Đơn vị công tác (mới)	Lương theo ngạch, bậc, chức vụ, chức danh, chức danh nghề nghiệp		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp công vụ (nếu có)	Phụ cấp công tác đặc, đoàn thể (nếu có)	Tiền lương tháng hiện hưởng	Số năm đóng BHXH bắt buộc theo số BHXH		Tuổi khi giải quyết chính sách	Thời điểm nghỉ	Số năm nghỉ hưu trước tuổi	Được hưởng chính sách		Tổng dự toán kinh phí để thực hiện chính sách (Đồng)	Phân loại (thuộc diện phải nghỉ/có đơn xin nghỉ)	Lý do quyết định cho nghỉ (*)
							Hệ số lương	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng				Trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và lực lượng vũ trang	Trong các cơ quan, đơn vị, tổ chức khác				Nghỉ hưu trước tuổi	Nghỉ thôi việc			
A	B	I	2	3	4		5	6	7	8	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
	NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI																				6.102.924.750		
1	Huỳnh Dễ	01/5/1965	Trung cấp Hành chính	Công chức VHXX	UBND xã Tịnh Châu	UBND xã Tịnh Khê	3,06	12/2024			25%		8.950.500	33 năm 04 tháng		60 tuổi 02 tháng	01/7/2025	01 năm 05 tháng	x		152.158.500	Có đơn xin nghỉ	Thuộc diện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã theo Nghị quyết số 1677/NQ-UBTVQH15
2	Vô Chính	31/12/1966	Trung cấp Luật	Công chức VHXX xã Tịnh Long	UBND xã Tịnh Long	UBND xã Tịnh Khê	3,66	01/2025			25%		10.705.500	19 năm 01 tháng		58 tuổi 06 tháng	01/7/2025	03 năm 06 tháng	x		703.886.625	Có đơn xin nghỉ	Thuộc diện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã theo Nghị quyết số 1677/NQ-UBTVQH15
3	Đỗ Văn Trung	04/12/1967	Cử nhân Kinh tế	Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân	UBND xã Tịnh Thiện	UBND xã Tịnh Khê	4,32	10/2024	0,2	01/05/2021	25%		13.221.000	25 năm 06 tháng		57 tuổi 07 tháng	01/7/2025	04 năm 05 tháng	x		1.133.700.750	Có đơn xin nghỉ	Thuộc diện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã theo Nghị quyết số 1677/NQ-UBTVQH15
4	Văn Nguyên	20/12/1967	Đại học Quản lý đất đai	Phó Bí thư Đảng ủy, CT HĐND xã	UBND xã Tịnh Thiện	UBND xã Tịnh Khê	4,32	01/10/2023	0,25		25%		13.367.250	26 năm 03 tháng		57 tuổi 06 tháng	01/7/2025	04 năm 06 tháng	x		1.152.925.313	Có đơn xin nghỉ	Thuộc diện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã theo Nghị quyết số 1677/NQ-UBTVQH15
5	Trần Đình Lữ	03/10/1966	Trung cấp Quản lý Kinh tế	Chủ tịch Hội CCB xã Tịnh Thiện	UBND xã Tịnh Thiện	UBND xã Tịnh Khê	3,86	9/2024	0,2	04/2024	25%		11.729.250	37 năm 06 tháng		58 tuổi 09 tháng	01/7/2025	03 năm 03 tháng	x		853.302.938	Có đơn xin nghỉ	Thuộc diện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã theo Nghị quyết số 1677/NQ-UBTVQH15

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức vụ/chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Đơn vị công tác (cũ)	Đơn vị công tác (mới)	Lương theo ngạch, bậc, chức vụ, chức danh, chức danh nghề nghiệp		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp công vụ (nếu có)	Phụ cấp tác đáng, đoàn thể (nếu có)	Tiền lương tháng hiện hưởng	Số năm đóng BHXH bắt buộc theo số BHXH		Tuổi khi giải quyết chính sách	Thời điểm nghỉ	Số năm nghỉ hưu trước tuổi	Được hưởng chính sách		Tổng dự toán kinh phí để thực hiện chính sách (Đồng)	Phân loại (thuộc diện phải nghỉ/có đơn xin nghỉ)	Lý do quyết định cho nghỉ (*)
							Hệ số lương	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng				Trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và lực lượng vũ trang	Trong các cơ quan, đơn vị, tổ chức khác				Nghỉ hưu trước tuổi	Nghỉ thôi việc			
A	B	I	2	3	4		5	6	7	8	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
6	Lê Tấn Dương	12/6/1969	Cử nhân ngành Luật	công chức Tư pháp - hộ tịch	UBND xã Tịnh Khê	UBND xã Tịnh Khê	3,99	10/2024			25%		11.670.750	21 năm		56 tuổi 01 tháng	01/7/2025	05 năm 11 tháng	x		992.013.750	Có đơn xin nghỉ	Thuộc diện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã theo Nghị quyết số 1677/NQ-UBTVQH15
7	Đỗ Thanh Đình	09/10/1972	Cử nhân ngành Luật	PCT HĐND xã	UBND xã Tịnh Châu	UBND xã Tịnh Khê	3,66	5/2024	0,15	6/2021	25%		11.290.500	20 năm 06 tháng		52 tuổi 09 tháng	01/7/2025	09 năm 03 tháng	x		1.114.936.875	Có đơn xin nghỉ	Thuộc diện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã theo Nghị quyết số 1677/NQ-UBTVQH15
II. NGHỈ THÔI VIỆC																					4.232.204.438		
1	Phan Thị Đây	18/3/1984	Đại học Hành chính học	công chức Văn phòng - thống kê	UBND xã Tịnh Khê	UBND xã Tịnh Khê	3,33	01/2023			25%		9.740.250	17 năm 06 tháng		41 tuổi 03 tháng	01/7/2025		x		752.434.313	Có đơn xin nghỉ	Thuộc diện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã theo Nghị quyết số 1677/NQ-UBTVQH15
2	Đỗ Văn Đường	08/10/1982	Cử nhân Luật	công chức Văn hóa - xã hội	UBND xã Tịnh Khê	UBND xã Tịnh Khê	3,66	6/2023			25%		10.705.500	18 năm 06 tháng		42 tuổi 08 tháng	01/7/2025		x		843.058.125	Có đơn xin nghỉ	Thuộc diện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã theo Nghị quyết số 1677/NQ-UBTVQH15
3	Nguyễn Anh Kiệt	28/12/1976	Thạc sỹ QLĐ Đ	Bí thư Đảng ủy	UBND xã Tịnh Khê	UBND xã Tịnh Khê	4,74	04/2024	0,3	11/1/2023	25%		14.742.000	23 năm 04 tháng		49 tuổi 06 tháng	01/7/2025		x		1.271.497.500	Có đơn xin nghỉ	Thuộc diện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã theo Nghị quyết số 1677/NQ-UBTVQH15
4	Trương Hồng Thái	10/10/1988	Cử nhân Luật	Bí thư Đoàn xã	UBND Tịnh Thiện	UBND xã Tịnh Khê	2,67	6/2023	0,15	5/1/2017	25%		8.248.500	9 năm 6 tháng		37 tuổi 08 tháng	01/7/2025		x		538.214.625	Có đơn xin nghỉ	Thuộc diện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã theo Nghị quyết số 1677/NQ-UBTVQH15
5	Lê Thị Hương	25/9/1984	Cử nhân Luật	công chức Văn hóa - Xã hội	UBND xã Tịnh Khê	UBND xã Tịnh Khê	3,66	10/2024			25%		10.705.500	17 năm 06 tháng		40 tuổi 07 tháng	01/7/2025		x		826.999.875	Có đơn xin nghỉ	Thuộc diện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã theo Nghị quyết số 1677/NQ-UBTVQH15
TỔNG KINH PHÍ CHI TRẢ																					10.335.129.188		

Tổng cộng danh sách có: 12 người.

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TỊNH KHÊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TÍNH CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH CHO 05 CÁN BỘ, CÔNG CHỨC NGHỈ THÔI VIỆC THEO NGHỊ ĐỊNH 178/2024/NĐ-CP NGÀY 31/12/2024 VÀ NGHỊ ĐỊNH 67/2025/NĐ-CP NGÀY 15/3/2025 CỦA CHÍNH PHỦ (Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /8/2025 của Chủ tịch UBND xã Tịnh Khê)										
ĐVT: Đồng										
TT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương tháng hiện hưởng	Số năm đóng BHXH bắt buộc		Số tháng đóng BHXH bắt buộc	Chính sách nghỉ thôi việc (Điều 9)			Tổng số tiền được hưởng
				Thực tế	Làm tròn		Trợ cấp thôi việc (khoản 1 Điều 9)	Trợ cấp cho số năm đóng BHXH bắt buộc (khoản 2 Điều 9)	Trợ cấp tìm việc làm (khoản 4 Điều 9)	
1	Lê Thị Hương	công chức Văn hóa - xã hội xã Tịnh Kỳ	10.705.500	17 năm 06 tháng	17,5	210	513.864.000	281.019.375	32.116.500	826.999.875
2	Trương Hồng Thái	Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh xã Tịnh Thiện	8.248.500	9 năm 6 tháng	9,5	142	395.928.000	117.541.125	24.745.500	538.214.625
3	Nguyễn Anh Kiệt	Bí thư Đảng ủy xã Tịnh Khê	14.742.000	23 năm 04 tháng	23,5	280	707.616.000	519.655.500	44.226.000	1.271.497.500
4	Đỗ Văn Đường	công chức Văn hóa - xã hội xã Tịnh Khê	10.705.500	18 năm 06 tháng	18,5	222	513.864.000	297.077.625	32.116.500	843.058.125
5	Phan Thị Đào	công chức Văn phòng - thống kê xã Tịnh Khê	9.740.250	17 năm 06 tháng	17,5	210	467.532.000	255.681.563	29.220.750	752.434.313
TỔNG CỘNG							2.598.804.000	1.470.975.188	162.425.250	4.232.204.438

**BẢNG TÍNH CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH CHO 07 CÁN BỘ, CÔNG CHỨC NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI
THEO NGHỊ ĐỊNH 178/2024/NĐ-CP NGÀY 31/12/2024 VÀ NGHỊ ĐỊNH 67/2025/NĐ-CP NGÀY 15/3/2025 CỦA CHÍNH PHỦ**

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /8/2025 của Chủ tịch UBND xã Tịnh Khê)

ĐVT: Đồng

TT	Họ và tên	Chức vụ, chức danh	Tiền lương tháng hiện hưởng	Số năm nghỉ hưu trước tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định		Số tháng nghỉ sớm so với thời điểm nghỉ hưu quy định	Số năm đóng BHXH bắt buộc		Chính sách nghỉ hưu trước tuổi (Điều 7)			Tổng số tiền được hưởng
				Thực tế	Làm tròn		Thực tế	Làm tròn	Trợ cấp hưu trí một lần cho thời gian nghỉ sớm (khoản 1 Điều 7)	Chế độ cho số năm nghỉ hưu trước tuổi (khoản 2 Điều 7)	chế độ cho số năm đóng BHXH bắt buộc (khoản 2 Điều 7)	
A- Chế độ cho người còn dưới 2 năm												
1	Huỳnh Dễ	Công chức VH-XH xã Tịnh Châu	8.950.500	01 năm 05 tháng	1,5	17	33 năm 04 tháng	33,5	152.158.500			152.158.500
B- Chế độ cho người từ đủ 02 năm đến 05 năm												
1	Võ Chính	Công chức VH-XH xã Tịnh Long	10.705.500	03 năm 06 tháng	3,5	42	19 năm 01 tháng	19,5	449.631.000	187.346.250	66.909.375	703.886.625
2	Đỗ Văn Trung	Phó Chủ tịch HĐND xã Tịnh Thiện	13.221.000	04 năm 06 tháng	4,5	54	25 năm 06 tháng	25,5	713.934.000	297.472.500	122.294.250	1.133.700.750
3	Văn Nguyên	Phó Bí thư Đảng ủy, CT HĐND xã Tịnh	13.367.250	04 năm 06 tháng	4,5	54	26 năm 03 tháng	26,5	721.831.500	300.763.125	130.330.688	1.152.925.313
4	Trần Đình Lữ	Chủ tịch Hội CCB xã Tịnh Thiện	11.729.250	03 năm 04 tháng	3,5	40	37 năm 06 tháng	37,5	469.170.000	205.261.875	178.871.063	853.302.938
C- Chế độ cho người trên 5 năm đủ 10 năm												
1	Lê Tấn Dương	công chức Tư pháp - hộ tịch xã Tịnh Khê	11.670.750	6 năm	6	71	21 năm	21	630.220.500	280.098.000	81.695.250	992.013.750
2	Đỗ Thanh Đình	Phó Chủ tịch HĐND xã Tịnh Châu	11.290.500	9 năm 04 tháng	9,5	111	20 năm 06 tháng	20,5	609.687.000	429.039.000	76.210.875	1.114.936.875
TỔNG CỘNG									3.746.632.500	1.699.980.750	656.311.500	6.102.924.750

DANH SÁCH TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN PHỤ CẤP CỦA 12 CÁN BỘ, CÔNG CHỨC NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI, NGHỈ THÔI VIỆC
 THEO NGHỊ ĐỊNH 178/2024/NĐ-CP NGÀY 31/12/2024 VÀ NGHỊ ĐỊNH 67/2025/NĐ-CP NGÀY 15/3/2025 CỦA CHÍNH PHỦ

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /8/2025 của Chủ tịch UBND xã Tịnh Khê)

ĐVT: Đồng

TT	Họ và tên	Chức vụ, chức danh (cũ)	Hệ số lương và phụ cấp				Thành tiền					Tổng cộng tiền lương và các khoản phụ cấp theo lương hiện hưởng
			Hệ số lương	Hệ số PC			Lương	Phụ cấp		Phụ cấp ưu đãi	Phụ cấp công vụ	
				Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp vượt khung	Phụ cấp công vụ		Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp vượt khung			
1	Đỗ Văn Trung	Phó Chủ tịch HĐND xã Tịnh Thiện	4,32	0,2		1,130	10.108.800	468.000			2.644.200	13.221.000
2	Văn Nguyên	Phó Bí thư Đảng ủy - Chủ tịch HĐND xã Tịnh Thiện	4,32	0,25		1,143	10.108.800	585.000			2.673.450	13.367.250
3	Huỳnh Dễ	công chức VHXX xã Tịnh Châu	3,06			0,765	7.160.400	-			1.790.100	8.950.500
4	Đỗ Thanh Đình	Phó Chủ tịch HĐND xã Tịnh Châu	3,66	0,2		0,965	8.564.400	468.000			2.258.100	11.290.500
5	Võ Chính	công chức Văn hóa - xã hội xã Tịnh Long	3,66			0,915	8.564.400	-			2.141.100	10.705.500
6	Lê Thị Hương	công chức Văn hóa - xã hội xã Tịnh Kỳ	3,66			0,915	8.564.400	-			2.141.100	10.705.500
7	Trần Đình Lữ	Chủ tịch Hội CCB xã Tịnh Thiện	3,86	0,15		1,003	9.032.400	351.000			2.345.850	11.729.250
8	Trương Hồng Thái	Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh xã Tịnh Thiện	2,67	0,15		0,705	6.247.800	351.000			1.649.700	8.248.500
9	Nguyễn Anh Kiệt	Bí thư Đảng ủy xã Tịnh Khê	4,74	0,30		1,260	11.091.600	702.000			2.948.400	14.742.000
10	Đỗ Văn Đường	Công chức Văn hóa - xã hội xã Tịnh Khê	3,66			0,915	8.564.400	-			2.141.100	10.705.500

TT	Họ và tên	Chức vụ, chức danh (cũ)	Hệ số lương và phụ cấp				Thành tiền					Tổng cộng tiền lương và các khoản phụ cấp theo lương hiện hưởng
			Hệ số lương	Hệ số PC			Lương	Phụ cấp		Phụ cấp ưu đãi	Phụ cấp công vụ	
				Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp vượt khung	Phụ cấp công vụ		Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp vượt khung			
11	Phan Thị Đây	Công chức Văn phòng - thống kê xã Tịnh Khê	3,33			0,833	7.792.200	-			1.948.050	9.740.250
12	Lê Tấn Dương	Công chức Tư pháp - hộ tịch xã Tịnh Khê	3,99			0,998	9.336.600	-			2.334.150	11.670.750